

CONTINUING EDUCATION PROGRAMS IN VIETNAM: DEVELOPMENT PROCESS FROM 1945 TO PRESENT AND ORIENTATION FOR THE PERIOD OF 2025-2030

Nguyen Minh Tuan^{*1}, Bui Thanh Xuan², Nguyen Thi Hai³,
Ho Huyen Trang⁴, Nguyen Hoai Thu⁵

* Corresponding author
Email: tuannm@vnies.edu.vn

² Email: xuanbt@vnies.edu.vn

³ Email: haint@vnies.edu.vn

⁴ Email: tranghh@vnies.edu.vn

⁵ Email: thunh@vnies.edu.vn

^{1,2,3,4,5} The Vietnam National Institute
of Educational Sciences
101 Tran Hung Dao, Cua Nam ward,
Hanoi, Vietnam.

Received: 17/4/2026

Revised: 11/5/2026

Accepted: 12/6/2026

Published: 25/7/2026

Abstract: This article examines the evolution of continuing education programs in Vietnam from 1945 to the present, analyzing their development across major historical periods. The findings indicate that during the Literacy Campaign period, continuing education programs focused primarily on eradicating illiteracy, making a significant contribution to improving educational attainment and disseminating basic knowledge among the population. During the Supplementary Education period, program content became increasingly diversified to meet practical learning needs and support the enhancement of educational and professional qualifications among cadres and workers. In the Equivalency Education period, programs were reoriented toward practical application and tailored to the needs of young people engaged in work and production activities. The study demonstrates that, throughout different stages of development, continuing education programs in Vietnam have been built upon the foundation of the general education curriculum while being flexibly adapted to learners' characteristics, needs, and learning conditions. Based on an analysis of this historical development process, the article proposes several orientations for the development of continuing education programs in the 2025–2030 period, with the aim of meeting lifelong learning needs and contributing to the construction of a learning society in Vietnam.

Keywords: *Continuing education, continuing education programs, program development, literacy education, lifelong learning, learning society.*

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN Ở VIỆT NAM: TIẾN TRÌNH PHÁT TRIỂN TỪ 1945 ĐẾN NAY VÀ ĐỊNH HƯỚNG GIAI ĐOẠN 2025-2030

Nguyễn Minh Tuấn^{*1}, Bùi Thanh Xuân², Nguyễn Thị Hải³,
Hồ Huyền Trang⁴, Nguyễn Hoài Thu⁵

* Tác giả liên hệ
Email: tuannm@vnies.edu.vn

² Email: xuanbt@vnies.edu.vn

³ Email: haint@vnies.edu.vn

⁴ Email: tranghh@vnies.edu.vn

⁵ Email: thunh@vnies.edu.vn

^{1,2,3,4,5} Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam
101 Trần Hưng Đạo, phường Cửa Nam,
Hà Nội, Việt Nam

Nhận bài: 17/4/2026

Chỉnh sửa xong: 11/5/2026

Chấp nhận đăng: 12/6/2026

Xuất bản: 25/7/2026

Tóm tắt: Bài viết nghiên cứu quá trình phát triển Chương trình Giáo dục thường xuyên ở Việt Nam từ năm 1945 đến nay qua các giai đoạn khác nhau. Kết quả cho thấy trong giai đoạn Bình dân học vụ, chương trình tập trung xoá mù chữ, góp phần nâng cao dân trí và phổ cập kiến thức cơ bản cho nhân dân. Giai đoạn Bổ túc văn hóa chương trình đã đa dạng hóa nội dung học tập theo nhu cầu thực tiễn, đáp ứng yêu cầu nâng cao trình độ văn hóa và chuyên môn của đội ngũ cán bộ, người lao động. Đến giai đoạn giáo dục bổ túc, chương trình được điều chỉnh theo hướng thực tiễn, phù hợp với đối tượng thanh niên đang tham gia lao động sản xuất. Nghiên cứu khẳng định Chương trình Giáo dục thường xuyên luôn được xây dựng trên nền tảng chương trình giáo dục phổ thông, đồng thời có sự điều chỉnh linh hoạt nhằm đáp ứng đặc điểm và điều kiện học tập của người học. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất một số định hướng phát triển Chương trình Giáo dục thường xuyên giai đoạn 2025-2030 nhằm đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời và góp phần xây dựng xã hội học tập ở Việt Nam.

Từ khóa: *Giáo dục thường xuyên, Chương trình Giáo dục thường xuyên, phát triển chương trình, xoá mù chữ, học tập suốt đời, xã hội học tập.*

1. Đặt vấn đề

Trong suốt quá trình phát triển giáo dục của đất nước, giáo dục thường xuyên luôn giữ vai trò quan trọng trong việc mở rộng cơ hội học tập cho mọi tầng lớp nhân dân, đặc biệt là những người không có điều kiện học tập theo hệ chính quy. Ngay sau khi giành được độc lập, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chủ trương mở một chiến dịch chống nạn mù chữ. Ngày 08 tháng 9 năm 1945, Người đã giao cho Bộ trưởng Bộ Nội vụ thay mặt Chính phủ Lâm thời ban hành ba sắc lệnh quan trọng về giáo dục, đó là: Sắc lệnh số 17 đặt ra một Bình dân học vụ trong toàn cõi Việt Nam; Sắc lệnh số 19, thiết lập cho nông dân và thợ thuyền những lớp học bình dân buổi tối; Sắc lệnh số 20, việc học chữ quốc ngữ từ nay bắt buộc và không mất tiền cho tất cả mọi người (Chính phủ, 1945a, 1945b, 1945c). Từ đó, chương trình xóa mù chữ, bổ túc văn hóa đã xóa mù chữ cho hàng triệu người, góp phần từng bước nâng cao trình độ dân trí, đặc biệt tại các vùng sâu, vùng xa, nơi điều kiện học tập còn nhiều hạn chế (Ngô Văn Cát, 1980). Trong các giai đoạn tiếp theo, các loại chương trình giáo dục thường xuyên ngày càng phát triển đa dạng phù hợp với các đối tượng người học khác nhau, đặc biệt là thanh thiếu niên, người lớn đang trực tiếp tham gia lao động sản xuất (Tô Bá Trượng, 2001). Trải qua các giai đoạn phát triển khác nhau, Chương trình Giáo dục thường xuyên ngày càng thể hiện rõ tầm quan trọng trong việc mở rộng cơ hội tiếp cận giáo dục cho mọi người, tạo điều kiện để mọi người được học tập thường xuyên, học suốt đời, hỗ trợ người học cập nhật kiến thức, kĩ năng mới phù hợp với yêu cầu của thị trường lao động và sự phát triển nhanh chóng của khoa học - công nghệ (Nguyễn Minh Tuấn, 2014). Tuy nhiên, cho đến nay, chưa có những công trình nghiên cứu tổng kết đầy đủ, toàn diện về quá trình phát triển chương trình giáo dục thường xuyên và những đóng góp tích cực trong việc phát triển giáo dục Việt Nam qua từng giai đoạn. Trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay, đặc biệt là đổi mới giáo dục thường xuyên thì việc nghiên cứu, đánh giá toàn diện các thành tựu phát triển chương trình giáo dục thường xuyên trong từng giai đoạn sẽ cho những bài học kinh nghiệm để phát triển chương trình giáo dục thường xuyên trong giai đoạn tới, đảm bảo mọi công dân được tiếp cận với giáo dục, từ đó thúc đẩy sự công bằng, bình đẳng trong tiếp cận tri thức và xây dựng xã hội học tập.

2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu tài liệu, tập trung vào các văn bản chính về giáo dục thường

xuyên, văn bản chương trình từ năm 1945 đến nay như các chương trình xóa mù chữ, chương trình giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ, chương trình bổ túc văn hóa, chương trình giáo dục thường xuyên các cấp để phân tích, so sánh, đánh giá. Nghiên cứu báo cáo tổng kết các đề tài nghiên cứu và sách liên quan đến phát triển chương trình giáo dục thường xuyên để tìm hiểu, tổng kết, đánh giá về chương trình giáo dục thường xuyên qua từng giai đoạn. Dựa trên kết quả nghiên cứu quá trình phát triển chương trình, phân tích bối cảnh và xu thế phát triển của giáo dục thường xuyên trong giai đoạn tới nhóm nghiên cứu đưa ra một số định hướng phát triển chương trình.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Sự phát triển của Chương trình Giáo dục thường xuyên qua các giai đoạn

3.1.1. Giai đoạn Bình dân học vụ

Ngày 03 tháng 9 năm 1945, ngay sau khi Cách mạng thành công Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: “Nạn đói là một trong những phương pháp độc ác mà bọn thực dân Pháp dùng để cai trị chúng ta. Hơn 95% đồng bào ta mù chữ”. Chính vì vậy, Chính phủ đã lập ra Nha Bình dân học vụ để trông nom việc học cho nhân dân. Giai đoạn bình dân học vụ được triển khai từ 1945 đến 1959, nhiệm vụ trọng tâm của giai đoạn này là tập trung vào xóa mù chữ cho mọi người dân và sau đó là nâng cao trình độ văn hóa cho công nhân, nông dân và đội ngũ cán bộ của Đảng, Chính quyền và đoàn thể.

Đối tượng của Chương trình Bình dân học vụ gồm hai nhóm chủ yếu: 1) Những người mù chữ từ 8 tuổi trở lên; 2) Những người đã biết chữ có yêu cầu nâng cao trình độ văn hoá như nông dân, công nhân, cán bộ cốt cán của Đảng, chính quyền, đoàn thể các cấp từ cơ sở đến Trung ương, cán bộ trẻ và thanh niên công nông có nhiều thành tích trong sản xuất và chiến đấu (Bộ Giáo dục, 1989). Giai đoạn bình dân học vụ đã xây dựng được một số chương trình sau:

a. Chương trình Sơ cấp bình dân

Chương trình được thực hiện ngay từ đầu chống nạn mù chữ (tháng 11 năm 1945). Mục tiêu của chương trình trong vòng 04 tháng giúp cho người học biết đọc, biết viết chữ quốc ngữ. Vào tháng 02 năm 1946, những khóa sơ cấp bình dân đầu tiên đã hoàn thành, điều đó cho thấy sự nỗ lực, quyết tâm diệt giặc đói của Đảng, Chính phủ thời kì đó.

b. Chương trình Dự bị bình dân

Chương trình được thực hiện từ năm 1948 do lúc đó mới có người học. Chương trình xây dựng với

mục tiêu trong vòng 04 tháng giúp cho người học đạt được trình độ cao hơn bậc sơ học trước và ngang với lớp nhì bậc Tiểu học.

c. Chương trình Bổ túc bình dân

Chương trình được xây dựng năm 1948 gồm 2 cấp 5 lớp. Mục tiêu trong vòng 8 tháng giúp người học đạt được trình độ cao hơn bậc sơ học trước và ngang với lớp nhì bậc Tiểu học (Tô Bá Trượng, 2001). Chương trình được thực hiện ở các trường phổ thông lao động theo Nghị định số 385-ND ngày 01 tháng 7 năm 1950 của Bộ Giáo dục.

d. Chương trình Bổ túc văn hóa

Chương trình Bổ túc văn hoá thời kì này khá đa dạng, cụ thể như: 1) Theo địa bàn: Chương trình Bổ túc văn hoá tại chức biên soạn riêng cho ba địa bàn là xí nghiệp, cơ quan, nông thôn; 2) Theo nhu cầu và khả năng: Chương trình được biên soạn theo sát chương trình phổ thông, gồm 3 cấp: Cấp I (2 lớp: 1,2) và cấp II (3 lớp: 3,4,5) tương đương với cấp I, II phổ thông, được bổ sung một số vấn đề trong các môn Khoa học xã hội, một số đề tài về sản xuất, trong các môn Vật lí, Hóa học, Sinh học theo yêu cầu học tập của người lớn. Cấp III được biên soạn theo sát Chương trình phổ thông năm 1956, gồm 3 ban: Toán - Lí - Hóa, Toán - Hóa - Sinh, Văn - Sử - Địa. Hình thức học chủ yếu của các chương trình giai đoạn này là vừa học vừa làm, học tập trung và tại chức (Tô Bá Trượng, 2001).

Các chương trình ở giai đoạn này được tổ chức mềm dẻo, linh hoạt, chú trọng đến xoá mù chữ cho đông đảo dân cư và nâng cao trình độ văn hóa cho cán bộ Cách mạng. Nội dung của các chương trình không chỉ đơn thuần là dạy đọc, viết chữ quốc ngữ, dạy kiến thức văn hóa, mà thông qua đó để giáo dục chính trị cho người học, cung cấp một số hiểu biết, kiến thức cần thiết để họ sống tốt hơn, tham gia tích cực vào công cuộc bảo vệ và xây dựng đất nước. Chương trình đã xoá mù chữ cho hàng chục triệu người và nâng cao trình độ văn hóa cho hàng chục vạn người, tạo nguồn đào tạo cán bộ cho Cách mạng (Ngô Văn Cát, 1980).

3.1.2. Giai đoạn Bổ túc văn hoá

Giai đoạn Bổ túc văn hoá kéo dài từ năm 1959 đến năm 1989, đánh dấu việc kết thúc chiến dịch xoá mù chữ (1956 - 1958), chuyển sang giai đoạn ngành giáo dục bám sát các nhiệm vụ xây dựng Chủ nghĩa xã hội ở Miền Bắc và đấu tranh giải phóng miền Nam. Trở ngại lớn lúc này là trình độ văn hóa thấp kém của cán bộ, nhất là cán bộ lãnh đạo. Nhiệm vụ cấp bách là nâng cao trình độ văn hóa cho cán bộ và

nhân dân, đặt cơ sở cho giáo dục tư tưởng chính trị, đẩy mạnh công tác đào tạo cán bộ kinh tế, văn hóa, khoa học, kĩ thuật trên quy mô lớn, mở rộng công tác phổ biến khoa học-kĩ thuật, góp phần đẩy mạnh sản xuất, tăng cường quốc phòng.

Chương trình Bổ túc văn hoá dành cho ba nhóm chính: 1) Cán bộ, đảng viên, đoàn viên ở nông thôn; và cán bộ lãnh đạo và cán bộ từ cán sự 3 trở lên làm trong cơ quan, xí nghiệp, công trường, nông trường, lâm trường; 2) Thanh niên ngoài đoàn từ 15 đến 30 tuổi và công nhân kĩ thuật, đảng viên, đoàn viên, thanh niên cán sự 1-2, tổ trưởng sản xuất, các nhân viên kĩ thuật; 3) Xã viên và nhân dân lao động từ 31-40 tuổi ở nông thôn và công nhân, lao động đơn giản trong cơ quan, xí nghiệp, công trường, nông trường, lâm trường. Việc phân chia đối tượng thành các nhóm nhỏ như trên đã giúp cho việc xác định chương trình, nội dung, hình thức dạy học... cho phù hợp (Tô Bá Trượng, 2001). Giai đoạn này đã xây dựng các chương trình sau:

a. Chương trình cấp I bổ túc văn hoá

Gồm có 4 loại cho các nhóm đối tượng khác nhau: 1) Chương trình dùng chung cho các loại đối tượng (Mức 1 là mức phổ cập, gồm lớp 1,2,3 với 2 môn học: Tiếng Việt và Học tính); 2) Chương trình dùng riêng cho cán bộ và thanh niên đã học xong mức 1 (gồm 3 môn: Tiếng Việt, Học tính và Thường thức khoa học); 3) Chương trình cho cán bộ xã, ấp ở miền Nam (kết hợp học văn hóa với các kiến thức cần thiết về chính trị, quản lí); 4) Chương trình Tiếng Việt cho người dân tộc (Tô Bá Trượng, 2001).

b. Chương trình cấp II dùng cho cán bộ và thanh niên

Có 5 loại chương trình cho 5 loại trường khác nhau, hình thức tổ chức thực hiện đa dạng. Mỗi chương trình có số môn học, tổng số tiết khác nhau, phù hợp với nhu cầu, điều kiện, khả năng của đối tượng người học, ở các vùng miền khác nhau (xem Bảng 1).

c. Chương trình cấp III bổ túc văn hoá

Có hai loại chương trình cấp III bổ túc văn hoá dành cho các nhóm đối tượng khác nhau đó là: 1) Dành cho cán bộ trẻ và thanh niên có nhu cầu thi vào cao đẳng, đại học; 2) Dành cho cán bộ quản lí nhiều tuổi, không có nhu cầu học lên cao đẳng, đại học (xem Bảng 2).

Chương trình dành cho cán bộ trẻ và thanh niên chia thành ba loại chương trình cụ thể. Thanh niên thành phố, ở cơ quan, xí nghiệp chỉ phải học 04 môn Văn học, Toán học, Vật lí, Hoá học. Thanh niên nông thôn phải học thêm môn Sinh học và Kĩ thuật nông

Bảng 1: Các loại chương trình cấp II bổ túc văn hóa

Các loại chương trình	Tổng số tiết	Số môn học
1. Chương trình cho trường Bổ túc văn hóa tại chức địa bàn cơ quan, xí nghiệp, công trường	862	7 môn: Ngữ văn, Toán học, Vật lí, Hóa học, Lịch sử, Địa lí, Cơ thể người.
2. Chương trình cho trường Bổ túc văn hóa tại chức và nửa tập trung địa bàn nông thôn, lâm trường, nông trường: - Đối với cán bộ và người lao động. - Đối với cán bộ trẻ và thanh niên	886 1001	7 môn: Ngữ văn, Toán học, Vật lí, Hóa học, Sinh học, Kỹ thuật nông nghiệp, Quản lí kinh tế nông nghiệp.
3. Chương trình cho trường, lớp bổ túc văn hoá vừa học, vừa làm ở xã	1261	10 môn: Ngữ văn, Toán học, Vật lí, Hóa học, Sinh học, Lịch sử, Địa lí, Kỹ thuật nông nghiệp, Quản lí kinh tế nông nghiệp, Chính trị.
4. Chương trình cho trường bổ túc văn hoá cán bộ học tập trung - Ở các tỉnh, thành phố phía Bắc - Ở các tỉnh, thành phố phía Nam	1153 1273	8 môn: Ngữ văn, Toán học, Vật lí, Hóa học, Sinh học, Lịch sử, Địa lí, Kỹ thuật nông nghiệp. 10 môn: Ngữ văn, Toán học, Vật lí, Hóa học, Sinh học, Lịch sử, Địa lí, Kỹ thuật nông nghiệp, Quản lí kinh tế nông nghiệp, Chính trị.
5. Chương trình cho trường bổ túc văn hoá thanh niên học tập trung	1503	10 môn: Ngữ văn, Toán học, Vật lí, Hóa học, Sinh học, Lịch sử, Địa lí, Kỹ thuật nông nghiệp, Quản lí kinh tế nông nghiệp, Chính trị.

(Nguồn: Định hướng vận dụng Chương trình Giáo dục phổ thông để xây dựng Chương trình Giáo dục thường xuyên. Mã số: V2013-01NV)

Bảng 2: Các loại chương trình cấp III bổ túc văn hoá

Các loại chương trình	Tổng số tiết	Số môn học
1. Chương trình tại chức cho thanh niên ở cơ quan, xí nghiệp.	1080	4 môn: Toán học, Vật lí, Hóa học, Văn học.
2. Chương trình cho thanh niên nông thôn.	1170	5 môn: Toán học, Vật lí, Hóa học, Văn học, Sinh học và kĩ thuật nông nghiệp.
3. Các lớp cấp III bổ túc văn hoá tập trung ngắn hạn.	1296	7 môn: Toán học, Vật lí, Hóa học, Văn học, Lịch sử, Địa lí, Sinh học.

(Nguồn: Định hướng vận dụng Chương trình Giáo dục phổ thông để xây dựng Chương trình Giáo dục thường xuyên. Mã số: V2013-01NV)

ng nghiệp. Đối với các lớp bổ túc văn hoá tập trung ngắn hạn thì số môn học sẽ là 07 môn: Toán học, Vật lí, Hoá học, Văn học, Lịch sử, Địa lí, Sinh học (xem Bảng 2). Như vậy, cũng giống như chương trình cấp II, mỗi loại chương trình với số tiết và môn học phù hợp với từng loại đối tượng người học, ở các địa bàn khác nhau (Nguyễn Minh Tuấn, 2014).

Chương trình Giáo dục thường xuyên ở giai đoạn này rất đa dạng, phù hợp cho đối tượng của bổ túc văn hoá vì hoạt động chủ yếu của người lớn là lao động sản xuất nên muốn người học hứng thú học tập thì việc học văn hóa phải phù hợp với yêu cầu sản

xuất, nghề nghiệp của họ, theo phương châm “cần gì học nấy”. Nội dung chương trình cũng đã kích thích tính chủ động, tích cực của các ngành, các địa phương trong việc xây dựng chương trình dạy - học của bổ túc văn hoá. So với thời kì trước, chương trình bổ túc văn hoá giai đoạn này đa dạng, cụ thể, chi tiết hơn cho các nhóm đối tượng, phù hợp với độ tuổi, trình độ, khả năng, nhu cầu của người học và hoàn cảnh của địa phương, từng giai đoạn phát triển của đất nước, có sự tích hợp, liên hợp nhóm môn và các chuyên đề thiết thực, hành động. Giai đoạn này xây dựng được các chương trình bổ túc văn hoá theo cấp

lớp từ cấp I đến cấp II cho các loại đối tượng của bổ túc văn hoá, bước đầu hình thành một số chương trình bổ túc văn hoá không theo cấp lớp cho nhân dân lao động và cán bộ lãnh đạo quản lý nhiều tuổi.

3.1.3. Giai đoạn Giáo dục bổ túc

Giai đoạn Giáo dục bổ túc được triển khai từ 1989, thay thế cho các nhiệm vụ của bổ túc văn hoá trước đây và chuyển hướng sang đáp ứng nhu cầu những người chưa có điều kiện học tập trong hệ thống giáo dục chính quy.

Đối tượng của giáo dục bổ túc gồm ba nhóm chủ yếu là: 1) Người mù chữ không được học cấp I ở nhà trường phổ thông từ 15 đến 35 tuổi; 2) Người lao động đã biết chữ muốn mở rộng hiểu biết, muốn có kiến thức và kỹ năng liên quan đến nghề nghiệp, cần thiết cho cuộc sống cá nhân, gia đình và xã hội; 3) Thanh thiếu niên đã thực hiện nghĩa vụ phổ cập giáo dục cấp I, không có điều kiện tiếp tục học trong nhà trường phổ thông dù có việc làm hoặc chưa có việc làm (Bộ Giáo dục, 1989).

Giai đoạn Giáo dục bổ túc đã xây dựng một số Chương trình sau:

a. Chương trình Xoá mù chữ

Nhiệm vụ xoá mù chữ thực hiện theo nguyên tắc mới trong giai đoạn giáo dục bổ túc được thực hiện từ năm 1990. Đó là chương trình kết hợp học chữ với học các kiến thức, kỹ năng hành dụng theo bốn lĩnh vực: Đời sống gia đình, bảo vệ sức khỏe, kinh tế và thu nhập, ý thức công dân. Chương trình này được thực hiện theo trình độ từ thấp lên cao với ba mức: I; II; III. Các lĩnh vực hành dụng được thiết kế theo các chủ đề phù hợp với trình độ các nhóm đối tượng và các vòng tròn đồng tâm thể hiện mối quan hệ mật thiết giữa các lĩnh vực cũng như phân hóa kiến thức, kỹ năng hành dụng từ thấp lên cao.

Chương trình Xoá mù chữ được thực hiện trong 150 buổi (mỗi buổi 100 phút) và chia thành ba mức: Mức I (32 buổi), tương đương với trình độ xoá mù chữ trong hai thời kỳ trước, tập trung vào việc học chữ; mức II (65 buổi), bắt đầu coi trọng cung cấp kiến thức hành dụng theo các chủ đề, nhưng việc cung cấp kiến thức và rèn luyện kỹ năng biết chữ vẫn chiếm tỉ lệ cao; mức III (53 buổi), hai loại kiến thức, kỹ năng hành dụng và biết chữ được hòa nhập, kết hợp chặt chẽ với nhau, được coi trọng như nhau. Kiến thức trong bốn lĩnh vực hành dụng được biên soạn theo 12 chủ đề và sắp xếp thành ba vòng đồng tâm. Ở cả hai mức II và III, kiến thức, kỹ năng hành dụng là phương tiện để phát triển kiến thức, kỹ năng biết chữ và ngược lại.

b. Chương trình Giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ

Chương trình Giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ được áp dụng từ 1993. Trong chương trình này, kiến thức, kỹ năng hành dụng được coi trọng hơn, giúp người học củng cố, phát triển kiến thức, kỹ năng hành dụng ở mức sâu và rộng hơn, gồm 06 lĩnh vực: Đời sống gia đình, kinh tế và thu nhập, kỹ thuật nông nghiệp, bảo vệ sức khỏe, dân số và môi trường, đạo đức công dân. Giống như Chương trình Xoá mù chữ, Chương trình này cũng phân hóa theo hai cấp, gồm Tiếng Việt và Học tính, thực hiện trong 96 buổi (mỗi buổi 02 tiết), được chia thành hai mức (I, II). Ở mỗi cấp, kiến thức hành dụng được biên soạn theo các chủ đề và sắp xếp thành vòng tròn đồng tâm.

c. Chương trình Bổ túc trung học

Chương trình Bổ túc trung học giai đoạn này xây dựng theo hướng dùng chung sách giáo khoa với giáo dục chính quy (áp dụng từ năm học 1991 – 1992). Đối tượng chủ yếu tham gia học chương trình này là những người trong độ tuổi từ 15 đến 35, bỏ học sớm hoặc không có điều kiện tiếp tục học trong nhà trường phổ thông bổ túc đạt được trình độ kiến thức Trung học cơ sở hoặc Trung học phổ thông (Tô Bá Trượng, 2001). Chương trình gồm cấp II và III với 5 môn bắt buộc là Văn học, Toán học, Vật lý, Hóa học, Sinh học.

d. Chương trình Bổ túc cấp III vừa làm vừa học

Chương trình Bổ túc cấp III vừa học vừa làm giúp những người đã tốt nghiệp Phổ thông cơ sở, đang làm việc, lao động sản xuất... có cơ hội học tiếp bổ túc văn hoá trung học; cung cấp kiến thức văn hóa trung học để học viên có thể thi tốt nghiệp cấp III bổ túc văn hoá trung học, tương đương với hệ phổ thông. Kết hợp học văn hóa với lao động, sản xuất hoặc học nghề phổ thông, nhằm vừa nâng cao văn hóa vừa gắn với thực tế lao động. Chương trình có 08 môn học, trong đó 07 môn bắt buộc: Văn học, Toán học, Vật lý, Hóa học, Sinh học, Giáo dục công dân và Nghề phổ thông; 01 môn khuyến khích: Tiếng Anh hoặc ngoại ngữ khác (Tô Bá Trượng, 2001).

Giai đoạn giáo dục bổ túc đã xây dựng được các chương trình xoá mù chữ, giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ và trung học bổ túc cho ba nhóm đối tượng của giáo dục thường xuyên. Giai đoạn giáo dục này chú trọng đến xây dựng chương trình xoá mù chữ và giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ theo hướng hành dụng, chương trình theo chuyên đề không theo cấp lớp gắn liền với yêu cầu nghề nghiệp, yêu cầu của xã hội. Chương trình này đã đáp ứng nhu cầu đa dạng, của người học, mang tính thực tiễn, xã hội cao. Tuy

nhiên, giai đoạn này chưa xây dựng được các loại chương trình học không theo quy trình cấp lớp khác để đáp ứng nhu cầu học tập đa dạng của người lao động nhằm mở rộng hiểu biết và cung cấp cho họ các kiến thức, kỹ năng liên quan đến lao động, sản xuất và đời sống hằng ngày.

3.1.4. Giai đoạn phát triển giáo dục thường xuyên và xây dựng xã hội học tập

Từ năm 1993 đến nay, giai đoạn này ghi nhận những thay đổi cơ bản về chất và lượng của giáo dục thường xuyên với sự mở rộng đối tượng người học, ban hành nhiều chương trình với những nội dung, hình thức học tập đa dạng, hướng tới mục tiêu thúc đẩy học học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập. Giáo dục thường xuyên giai đoạn này có nhiệm vụ kiến tạo và cung ứng các cơ hội học tập linh hoạt, đa dạng cho các đối tượng người học khác nhau nhằm giúp họ nâng cao kiến thức, kỹ năng, có thêm cơ hội tăng thu nhập hoặc chuyển đổi nghề nghiệp, đáp ứng các nhu cầu phát triển cá nhân và nâng cao chất lượng cuộc sống. Giáo dục thường xuyên hướng đến các nhóm đối tượng như: Những người không có điều kiện học tập trong trường chính quy của giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học; những người đã hoàn thành chương trình đào tạo ban đầu trong trường chính quy và muốn tiếp tục học lên cao hơn theo các hình thức linh hoạt của giáo dục thường xuyên (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 1994).

Từ năm 1993 đến năm 2005, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã tổ chức xây dựng được nhiều chương trình cho các nhóm người học khác nhau. Chương trình Giáo dục tiểu học hệ bổ túc đã được ban hành năm 1996, gồm phần xoá mù chữ và phần giáo dục tiếp tục sau xoá mù chữ. Năm 1997, Chương trình Bổ túc Trung học cơ sở và Trung học phổ thông được ban hành để thay thế cho các chương trình cũ từ năm 1991 (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 1997). Luật Giáo dục năm 1998 quy định 04 loại chương trình giáo dục thường xuyên: 1) Chương trình xoá mù chữ và giáo dục tiếp tục sau biết chữ; 2) Chương trình đào tạo bổ sung, bồi dưỡng nâng cao trình độ, kiến thức, kỹ năng; 3) Chương trình đáp ứng yêu cầu người học; 4) Chương trình giáo dục để lấy văn bằng của hệ thống giáo dục quốc dân theo hình thức vừa học vừa làm, học từ xa, tự học có hướng dẫn.

Từ năm 2005 đến nay, đánh dấu bước chuyển mình mạnh mẽ với sự ra đời của các đề án xây dựng xã hội học tập theo từng giai đoạn với lộ trình và bước đi cụ thể. Các đề án lần lượt là: “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2005 - 2010” (Chính phủ, 2005);

Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2012 - 2020” (Chính phủ, 2013) và Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030” (Chính phủ, 2021). Những đề án này đã mở đầu và tiếp nối cho một giai đoạn mới về chất và mở rộng mạnh mẽ về quy mô của giáo dục thường xuyên. Trong giai đoạn này, đối tượng giáo dục thường xuyên được mở rộng đến tất cả mọi người có nhu cầu học tập thường xuyên, học tập suốt đời. Mọi người có thể học ở mọi lúc, mọi nơi, dưới mọi hình thức. Chương trình Giáo dục thường xuyên ở giai đoạn này có sự thay đổi về cả chất lượng và số lượng, các chương trình giáo dục thường xuyên được xây dựng đảm bảo tương đương về nội dung, kiến thức và yêu cầu về phẩm chất, năng lực với chương trình giáo dục phổ thông cùng cấp (Nguyễn Minh Tuấn, 2014). Trong giai đoạn này đã ban hành các chương trình sau:

a. Chương trình Xoá mù chữ

Năm 2007, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã tổ chức xây dựng Chương trình Xoá mù chữ và Giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ, thực hiện trong 5 lớp, bao gồm 2 giai đoạn: Giai đoạn xoá mù chữ từ lớp 1 đến lớp 3: Gồm 03 môn học (Tiếng Việt, Toán học, Tự nhiên và Xã hội); Giai đoạn Giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ từ lớp 4 đến lớp 5: Gồm 04 môn học (Tiếng Việt, Toán học, Lịch sử và Địa lí, Khoa học) (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2007). Năm 2021, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Chương trình Xoá mù chữ mới thay thế Chương trình năm 2007. Chương trình mới xây dựng dựa trên Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, đảm bảo đạt được phẩm chất và năng lực của chương trình tiểu học. Chương trình xoá mù chữ được chia thành hai giai đoạn: Giai đoạn 01 gồm 03 môn học (Tiếng Việt, Toán học, Tự nhiên và Xã hội), chia thành 03 kì học (kì 1, kì 2, kì 3); Giai đoạn 02 gồm 04 môn học (Tiếng Việt, Toán học, Khoa học, Lịch sử và Địa lí), chia 02 kì học (kì 4, kì 5). Kì 5 có các chuyên đề học tập tự chọn cho phù hợp với nhu cầu đa dạng của người học (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2021).

b. Chương trình Giáo dục thường xuyên cấp Trung học cơ sở và Trung học phổ thông

Năm 2022, Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình Giáo dục thường xuyên cấp Trung học cơ sở và Trung học phổ thông được xây dựng dựa trên Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Chương trình nhằm đáp ứng nhu cầu học tập của nhiều đối tượng khác nhau, đặc biệt là người lớn, người đã đi làm, học sinh bỏ học giữa chừng, người không có điều kiện học tập trong trường phổ thông. Nội dung chương trình bám sát mục tiêu phát triển phẩm chất

và năng lực người học trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, giúp người học hoàn thiện trình độ học vấn phổ thông, có khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn, định hướng nghề nghiệp, học tiếp lên trình độ cao hơn. Các môn học và hoạt động giáo dục được thiết kế linh hoạt, bao gồm cả môn bắt buộc và môn lựa chọn, phù hợp với đặc điểm, điều kiện, nhu cầu của người học giáo dục thường xuyên. Tổ chức dạy học có thể thực hiện theo nhiều hình thức như học tập trung, học trực tuyến hoặc vừa học vừa làm, học văn hóa kết hợp với học nghề nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người học. Sau khi hoàn thành chương trình và đủ điều kiện tốt nghiệp, người học được cấp bằng có giá trị tương đương với bằng tốt nghiệp trong hệ giáo dục chính quy (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2021a, 2022a).

c. Chương trình Giáo dục thường xuyên đáp ứng yêu cầu người học

Chương trình này được xây dựng nhằm đáp ứng

nhu cầu học tập đa dạng, suốt đời của người dân. Nội dung chương trình được xây dựng tập trung vào các nhóm kiến thức, kỹ năng thực tiễn như kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng mềm, ứng dụng công nghệ số, khởi nghiệp, giáo dục tài chính, pháp luật, bảo vệ sức khỏe, môi trường, bình đẳng giới và phòng chống tệ nạn xã hội. Thời lượng học ngắn hạn, linh hoạt, được tổ chức dưới nhiều hình thức như học trực tiếp, học trực tuyến hoặc kết hợp. Sau khi hoàn thành, người học có thể nâng cao năng lực nghề nghiệp, thích ứng với thị trường lao động và góp phần xây dựng xã hội học tập, thúc đẩy học tập suốt đời trong cộng đồng (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2022b).

Ở giai đoạn này, các cơ sở giáo dục thường xuyên đã tích cực đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp dạy và học, đánh giá cho phù hợp với điều kiện học tập của học viên. Các chương trình đáp ứng nhu cầu người học được mở rộng về lĩnh vực, chú trọng cập nhật kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, tin

Bảng 3: So sánh sự phát triển Chương trình Giáo dục thường xuyên ở Việt Nam qua các giai đoạn

Nội dung	Bình dân học vụ	Bổ túc văn hóa	Giáo dục bổ túc	Phát triển giáo dục thường xuyên và xây dựng xã hội học tập
Thời gian	1945–1959	1959–1989	1989–1993	1993 đến nay
Nhiệm vụ trọng tâm	Xoá mù chữ, nâng cao dân trí	Nâng cao trình độ văn hóa phục vụ xây dựng đất nước	Đáp ứng nhu cầu học tập của người ngoài hệ chính quy	Thúc đẩy học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập
Đối tượng	Người mù chữ từ 8 tuổi trở lên, công nhân, nông dân, cán bộ	Cán bộ, công nhân, thanh niên, nhân dân lao động	Người mù chữ, người lao động, thanh thiếu niên bỏ học	Mọi công dân có nhu cầu học tập
Loại chương trình	Sơ cấp bình dân, dự bị bình dân, bổ túc bình dân, bổ túc văn hoá	Bổ túc văn hoá cấp I, II, III theo nhiều nhóm đối tượng	Xoá mù chữ, giáo dục tiếp tục sau biết chữ, bổ túc Trung học cơ sở, Trung học phổ thông	Xoá mù chữ, giáo dục thường xuyên Trung học cơ sở, Trung học phổ thông, chương trình đáp ứng nhu cầu người học
Hình thức tổ chức	Tập trung, tại chức, vừa học vừa làm	Tại chức, tập trung, nửa tập trung, vừa học vừa làm	Học theo chuyên đề; vừa học vừa làm; kết hợp học văn hóa với lao động, nghề nghiệp	Trực tiếp, trực tuyến, từ xa, tự học có hướng dẫn, vừa học vừa làm
Thành tựu chính	Xoá mù chữ cho hàng chục triệu người, tạo nguồn cán bộ cách mạng	Hình thành hệ thống chương trình đa dạng, phù hợp từng nhóm đối tượng	Tăng tính hành dụng, gắn học tập với đời sống và nghề nghiệp	Mở rộng cơ hội học tập cho mọi người, thúc đẩy học tập suốt đời
Hạn chế	Chưa đáp ứng nhiều nhu cầu nghề nghiệp chuyên biệt	Chủ yếu tập trung nâng cao văn hóa, ít chương trình ngoài cấp lớp	Chưa đa dạng các chương trình học tập.	Chất lượng và khả năng tiếp cận giữa các vùng còn chưa đồng đều

học, ngoại ngữ, chuyển giao công nghệ nhằm phục vụ học tập suốt đời.

Qua bốn giai đoạn phát triển, Chương trình Giáo dục thường xuyên ở Việt Nam đã chuyển dịch từ mục tiêu xoá mù chữ và nâng cao dân trí sang đáp ứng nhu cầu học tập, phát triển kỹ năng nghề nghiệp và thúc đẩy học tập suốt đời cho mọi công dân. Xu hướng phát triển thể hiện sự mở rộng về đối tượng, đa dạng hóa chương trình, linh hoạt hóa hình thức học tập và tăng cường gắn kết với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội cũng như xây dựng xã hội học tập.

3.2. Định hướng phát triển Chương trình Giáo dục thường xuyên giai đoạn 2025-2030 đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời cho mọi người, góp phần xây dựng xã hội học tập

3.2.1. Bối cảnh hiện nay

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, phát triển nguồn lực con người có vai trò quan trọng trong việc phát triển bền vững, thịnh vượng của mỗi quốc gia. Đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, sự thay đổi nhanh chóng cơ cấu ngành, nghề và sự chuyển đổi nghề nghiệp là yêu cầu mang tính cấp thiết, do đó hệ thống giáo dục quốc dân phải là hệ thống giáo dục mở để mọi người được học tập thường xuyên, học tập suốt đời và hình thành xã hội học tập.

Mục tiêu phát triển kinh tế xã hội đến năm 2030 đòi hỏi giáo dục - đào tạo cần tập trung vào đào tạo, phát triển nhân lực chất lượng cao, đặc biệt trong các lĩnh vực công nghệ cao, công nghiệp văn hóa và các ngành mới nổi (Chính phủ, 2004). Điều này yêu cầu giáo dục - đào tạo nói chung, giáo dục thường xuyên nói riêng cần đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng nhân lực chất lượng cao thông qua các chương trình, hình thức đào tạo, bồi dưỡng khác nhau, đặc biệt là bồi dưỡng nâng cao chất lượng nhân lực đang trực tiếp tham gia lao động sản xuất.

Nhiệm vụ phát triển kinh tế số và xã hội số được đặt ở mức ưu tiên cao trong các chiến lược phát triển Quốc gia (Chính phủ, 2024). Mọi người dân có cơ hội học tập suốt đời, nâng cao trình độ, kỹ năng và phát triển tối đa tiềm năng cá nhân (Ban chấp hành Trung ương, 2025). Nguồn nhân lực chất lượng cao, nhân tài khoa học, công nghệ trở thành động lực và lợi thế cạnh tranh cốt lõi của đất nước, góp phần đưa Việt Nam thành nước phát triển, có thu nhập cao. Chính vì vậy, giáo dục thường xuyên cần phát huy vai trò trong tổ chức thực hiện xoá mù số, bồi dưỡng phát triển năng lực số cho mọi công dân, thực hiện phong

trào “Bình dân học vụ số”. Phát triển xã hội số, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, thiết bị dạy học hiện đại, trí tuệ nhân tạo vào trong quản lý và đào tạo, xây dựng hệ sinh thái giáo dục số trong các cơ sở giáo dục thường xuyên.

Thực hiện mục tiêu xây dựng xã hội học tập tạo điều kiện cho mọi người dân được học tập thường xuyên, học tập suốt đời bên cạnh việc mở rộng hệ thống, mạng lưới cơ sở giáo dục thường xuyên, cần xây dựng và hoàn thiện các chương trình giáo dục thường xuyên, đổi mới đánh giá, công nhận và ghi nhận kết quả học tập suốt đời của người học. Sự tham gia của toàn xã hội trong việc cung cấp các chương trình giáo dục thường xuyên, tạo cơ hội học tập cho mọi người là điều kiện đảm bảo thành công của xã hội học tập.

3.2.2. Định hướng phát triển Chương trình Giáo dục thường xuyên giai đoạn 2025-2030

a. Định hướng phát triển Chương trình Xoá mù chữ

Chương trình Xoá mù chữ hiện nay được xây dựng trên nền Chương trình Giáo dục tiểu học chính quy, vì vậy trong thời gian tới cần rà soát điều chỉnh chương trình cho phù hợp với những điều chỉnh của chương trình tiểu học, đảm bảo yêu cầu về phẩm chất và năng lực tương đương như ở Tiểu học. Điều chỉnh theo hướng tăng cường tính hành dụng, đổi mới phương pháp tiếp cận theo hướng xoá mù chữ gắn với phát triển cộng đồng. Chương trình chia thành 02 cấp độ: Cấp độ I tương đương với chương trình lớp 1, lớp 2 và lớp 3; cấp độ II tương đương với lớp 4, lớp 5. Các môn cơ bản Toán học, Tiếng Việt tương đương như tiểu học. Các môn Tự nhiên - Xã hội, Khoa học, Lịch sử và Địa lý được xây dựng theo hướng tích hợp cao, gắn với xoá mù chữ chức năng, bổ sung các chuyên đề hành dụng tự chọn gắn phát triển cộng đồng bền vững. Kinh nghiệm các quốc gia trong khu vực Châu Á- Thái Bình Dương cho thấy Chương trình xoá mù chữ được sắp xếp thành một hệ thống mắt lưới theo nguyên tắc kiến thức, kỹ năng biết chữ và kiến thức hành dụng phải được hòa nhập trong từng chủ đề và được nâng cao đến theo từng vùng (Tô Bá Trượng, 2001).

Đối tượng người học xoá mù chữ trong giai đoạn tới chủ yếu là người lớn ở vùng nông thôn, vùng dân tộc, miền núi không có điều kiện học tập trung thì tự học và tự học có hướng dẫn với sự hỗ trợ của công nghệ số có vai trò quan trọng, quyết định đến thành công hay thất bại của học tập. Chính vì vậy, chương trình cần thiết kế theo mô đun hoặc chuyên đề để phù hợp với hình thức tự học có hướng dẫn và thực

tiền tổ chức dạy xóa mù chữ cho đối tượng người lớn ở các địa phương (Nguyễn Minh Tuấn, 2014).

Kiểm tra đánh giá và công nhận kết quả học xóa mù chữ của học viên được thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, sau khi hoàn thành giai đoạn II người học có nhu cầu có thể học tiếp lên chương trình giáo dục Trung học cơ sở.

b. Định hướng xây dựng Chương trình Giáo dục thường xuyên cấp Trung học cơ sở

Trên cơ sở Chương trình Trung học cơ sở xây dựng Chương trình Giáo dục thường xuyên cấp Trung học cơ sở đảm bảo chuẩn đầu ra, phù hợp với đặc điểm và điều kiện học tập của các nhóm đối tượng học viên. Chương trình cần thiết kế theo mô đun/chuyên đề học tập, học theo hình thức tích lũy, để đảm bảo phù hợp với học tập của đối tượng chủ yếu là người lớn, người lao động.

Nội dung chương trình điều chỉnh chuyển một số môn học bắt buộc trong Chương trình Giáo dục phổ thông cấp Trung học cơ sở sang môn học tự chọn hoặc chuyên đề học tập tự chọn. Trong mỗi môn học điều chỉnh nội dung theo hướng giảm kiến thức hàn lâm, tăng thực hành ứng dụng, phù hợp với đối tượng học viên là người lớn đã có nhiều kinh nghiệm sống.

Đánh giá kết quả học tập theo hình thức tích lũy, học viên hoàn thành môn học sẽ được khi nhận, khi hoàn thành toàn bộ chương trình sẽ đánh giá hoàn thành Chương trình Giáo dục thường xuyên cấp Trung học cơ sở. Học viên đủ điều kiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và có nhu cầu có thể tiếp tục học Chương trình Giáo dục thường xuyên cấp Trung học phổ thông.

c. Định hướng xây dựng Chương trình Giáo dục thường xuyên cấp Trung học phổ thông

Trong những năm tới, cùng với việc rà soát, đánh giá, điều chỉnh Chương trình cấp Trung học phổ thông, Chương trình Giáo dục thường xuyên cũng cần đánh giá và điều chỉnh cho phù hợp hơn. Yêu cầu của Chương trình Giáo dục thường xuyên cấp Trung học phổ thông cơ bản cần đảm bảo về phẩm chất, năng lực của Chương trình Giáo dục phổ thông cấp Trung học phổ thông.

Do đối tượng người học chương trình này trong thời gian tới chủ yếu là người trong độ tuổi lao động, vừa học vừa làm để hoàn thiện kiến thức phổ thông hoặc những người không có điều kiện học tập chính quy tham gia học văn hóa và học nghề nên các môn học cần được thiết kế, xây dựng theo hướng mô đun, học theo hình thức tích lũy, chú trọng đến hình thức

dạy học qua mạng và tự học có hướng dẫn như vậy sẽ phù hợp với đối tượng người học.

Về nội dung chương trình cần rà soát, điều chỉnh theo hai hướng chính:

- Hướng đáp ứng nhu cầu cho đối tượng người học chỉ có nhu cầu học văn hóa Trung học phổ thông: Theo hướng này, chương trình cần đảm bảo các môn học theo như Chương trình Giáo dục phổ thông, điều chỉnh theo hướng tăng tính hành dụng. Kinh nghiệm của một số quốc gia trong khu vực cho thấy nội dung của chương trình cần có khoảng 75% nội dung của chương trình chính quy, 25% có thể thay thế bằng kinh nghiệm trong cuộc sống lao động (Tô Bá Trượng, 2001). Chương trình của các quốc gia này được cấu trúc theo mô đun và các chuyên đề học tập. Tổ chức thực hiện chương trình theo hướng tự học và tự học có hướng dẫn, học tập kết hợp thông qua các nền tảng học tập trực tuyến (Nguyễn Minh Tuấn, 2014).

- Hướng đáp ứng nhu cầu đối tượng học văn hóa và học nghề: Theo hướng này, cần xây dựng chương trình tích hợp học văn hóa và học nghề dựa trên nền tảng chương trình Trung học phổ thông và chương trình đào tạo nghề. Đảm bảo người học đạt được yêu cầu cơ bản về phẩm chất, năng lực của chương trình trung học phổ thông và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo nghề (Nguyễn Minh Tuấn, 2014). Như vậy, theo hướng này, sẽ có nhiều Chương trình giáo dục thường xuyên khác nhau, mỗi chương trình sẽ phù hợp với nhóm nghề nhất định (nghề Điện, Điện tử, Kế toán, Tài chính, Du lịch, Nông nghiệp).

Về đánh giá, công nhận kết quả học tập của học viên: Học viên sau khi học xong các môn học, kiểm tra đánh giá nếu đạt yêu cầu về phẩm chất và năng lực của môn học được cấp giấy chứng nhận hoàn thành môn học đó. Khi người học hoàn thành tất cả môn học theo quy định có nhu cầu, đáp ứng đủ điều kiện có thể thi hoặc xét tuyển lấy bằng tốt nghiệp Trung học phổ thông.

d. Các chương trình giáo dục thường xuyên đáp ứng nhu cầu người học, cập nhật kiến thức, kỹ năng và chuyển giao khoa học công nghệ

Đây là loại hình chương trình đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời của mọi đối tượng. Chương trình này trực tiếp góp phần nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng tay nghề cho người lao động nhằm nâng cao hiệu quả, năng suất lao động và có thể chuyển đổi nghề nghiệp, thích ứng với sự thay đổi nhanh chóng của thị trường lao động trong nước và cạnh tranh quốc tế. Nghiên cứu

kinh nghiệm quốc tế cho thấy, trong tương lai các loại chương trình này sẽ phát triển mạnh mẽ (Tô Bá Trượng, 2001). Ngoài chương trình do Bộ Giáo dục và Đào tạo xây dựng theo các lĩnh vực như hiện nay, trong thời gian tới sẽ có sự tham gia phát triển chương trình, tài nguyên học tập nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp của nhiều cơ quan, ban ngành, tổ chức, doanh nghiệp.

Đối với các chương trình này, chủ yếu được phát triển nhằm đáp ứng nhu cầu người học, xuất phát từ nhu cầu người học nên tổ chức chủ yếu theo bồi dưỡng chuyên đề/mô đun, thiết kế theo hướng tự học, tự học có hướng dẫn.

Trong bối cảnh chuyển đổi số, xây dựng hệ sinh thái giáo dục mở, giáo dục thông minh, giáo dục số... các chương trình, tài liệu học tập sẽ được số hóa và với sự hỗ trợ của các hệ thống, nền tảng học tập trực tuyến học viên có thể tự học, tự kiểm tra đánh giá kết quả học tập của mình. Sau khi học xong nếu kiểm tra, đánh giá đạt yêu cầu của chương trình người học có thể được công nhận kết quả học tập ở các mức độ khác nhau tùy thuộc vào từng chương trình bồi dưỡng.

Tài liệu tham khảo

- Ban Chấp hành Trung ương. (2025). *Nghị quyết 71-NQ/TW về Đột phá phát triển giáo dục và đào tạo*.
- Bộ Giáo dục. (1989). *Chỉ thị 17/CT của Bộ Giáo dục, ngày 15 tháng 9 năm 1989 về Phương hướng điều chỉnh bố cục văn hóa trong giai đoạn 1989 – 1995 thành giáo dục bổ túc*.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (1994). *Thông tư 03/TT-BGDĐT ngày 20/4/1994 về Hướng dẫn thi hành Nghị định 90/CP ngày 04 tháng 11 năm 1993*.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2007). *Quyết định số 13/2007/QĐ-BGDĐT về việc ban hành Chương trình xoá mù chữ và giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ ngày 03 tháng 5 năm 2007*.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2021a). *Thông tư số 33/2021/TT-BGDĐT ban hành Chương trình xoá mù chữ ngày 26 tháng 11 năm 2021*.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2021b). *Thông tư số 36/2021/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 11 năm 2021 ban hành Chương trình giáo dục thường xuyên cấp Trung học cơ sở*. Hà Nội.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2022a). *Thông tư số 12/2022/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 7 năm 2022 ban hành Chương trình Giáo dục thường xuyên cấp Trung học phổ thông*.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2022b). *Thông tư số 18/2022/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2022 ban hành Chương trình Giáo dục thường xuyên đáp ứng yêu cầu người học*. Hà Nội.

4. Kết luận

Trải qua các giai đoạn, Chương trình Giáo dục thường xuyên đã có những đóng góp quan trọng trong việc xoá mù chữ, nâng cao trình độ dân trí, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nhân lực, tạo cơ hội học tập cho mọi người, đặc biệt là những người không có điều kiện học tập theo hệ chính quy. Nghiên cứu tổng kết kinh nghiệm phát triển chương trình giáo dục thường xuyên qua các giai đoạn sẽ góp phần bổ sung thêm lý luận về phát triển chương trình giáo dục thường xuyên và bước đầu đưa ra một số định hướng phát triển chương trình đến năm 2030. Do nguồn tư liệu, số liệu và thời gian nghiên cứu còn hạn chế nên trong thời gian tới cần tiếp tục nghiên cứu đánh giá thực tiễn triển khai các Chương trình Giáo dục thường xuyên, đặc biệt là các chương trình lấy văn bằng của hệ thống giáo dục quốc dân làm cơ sở phát triển chương trình theo hướng đa dạng, linh hoạt, ứng dụng công nghệ số vào trong tổ chức dạy và học, phù hợp với xu thế phát triển giáo dục, đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời của mọi người, góp phần xây dựng xã hội học tập.

- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2024). *Báo cáo tổng kết năm học 2023-2024*.
- Chính phủ. (1945a). *Sắc lệnh số 17 ngày 8 tháng 9 năm 1945*.
- Chính phủ. (1945b). *Sắc lệnh số 19 ngày 8 tháng 9 năm 1945*.
- Chính phủ. (1945c). *Sắc lệnh số 20 ngày 8 tháng 9 năm 1945*.
- Chính phủ. (2005). *Quyết định số 112/2005/QĐTTg phê duyệt Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2005-2010” ngày 18 tháng 5 năm 2005*.
- Chính phủ. (2013). *Quyết định số 89/QĐ-TTg phê duyệt Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2012 – 2020” ngày 09 tháng 01 năm 2013*.
- Chính phủ. (2021). *Quyết định số 1373/QĐ-TTg phê duyệt Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 – 2030” ngày 30 tháng 7 năm 2021*.
- Chính phủ. (2024). *Quyết định số 411/QĐ-TTg Phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*.
- Ngô Văn Cát. (1980). *Việt Nam chống nạn thất học*. NXB Giáo dục, Hà Nội.
- Tô Bá Trượng. (2001). *Giáo dục thường xuyên (thực trạng và định hướng phát triển ở Việt Nam)*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Nguyễn Minh Tuấn. (2014). *Định hướng vận dụng Chương trình Giáo dục phổ thông để xây dựng Chương trình Giáo dục thường xuyên*. Mã số: V2013-01NV.